TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-01-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Ngọc Bích
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung
Bà Trịnh Thị Hồng Thắm

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Mạnh Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2018/TLST - HNGĐ ngày 10/12/2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 14 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L - Sinh năm 1992.

Bị đơn: Anh Lưu Văn L - Sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Xã Y, huyện Y, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Chị L, Anh L xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Chị kết hôn với Anh Lưu Văn L năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh N. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do Anh L không đi làm, kinh tế gia đình khó khăn, chị xin đi làm để cải thiện kinh tế gia đình nhưng Anh L không đồng ý. Anh L nhiều lần đánh đập chửi bới chị, gần đây anh còn đánh đuổi chị ra khỏi nhà mặc dù có sự can ngăn của bố chồng chị. Anh L không quan tâm chăm sóc đến vợ, con, không có sự hỏi han, quan tâm. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Lưu Thị Khánh L, sinh ngày 23/10/2014. Chị L có nguyện vọng được nuôi cháu L vì cháu L không yêu cầu Anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai bị đơn Anh L trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, Anh L trình bày phù hợp với lời khai của Chị L. Anh xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị thường xuyên cãi nhau, mỗi lần va chạm Chị L tự ý bỏ đi. Anh xác định nếu Chị L không thay đổi tính cách ngang bướng bảo thủ thì cuộc sống vợ chồng sẽ rất khó hòa hợp. Về mặt tình cảm anh chị đã không còn mặn mà, nếu Chị L nhận ra lỗi lầm quay về đoàn tụ nuôi con thì anh tha thứ và chấp nhận. Nếu Chị L vẫn cố tình ly hôn thì anh cũng không níu kéo, đồng ý với quan điểm xin ly hôn của chị Lan.

Về con chung: Anh xác nhận anh chị có 01 con chung như Chị L đã trình bày. Anh đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu Chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L, Anh L đề nghị không tiến hành hòa giải nên Toà án đã không tiến hành hòa giải quyết định đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa.

Tại phiên tòa: Chủ toạ phiên tòa công bố các tài liệu, chứng cứ ghi nội dung xin xét xử vắng mặt của Chị L, anh L. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và Anh Lưu Văn L đều có hộ khẩu thường trú tại xã Y, huyện Y, tỉnh N. Yêu cầu khởi kiện của Chị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ý Yên là phù hợp quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa Chị L, Anh L được xác lập vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Chị L cho rằng Anh L không đi làm khiến cho kinh tế gia đình khó khăn, chị xin đi làm để cải thiện kinh tế nhưng Anh L không đồng ý. Anh L hay đánh đập chửi

bới chị, không quan tâm chăm sóc đến vợ, con. Anh L cũng xác nhận vợ chồng anh chị thường xuyên cãi nhau do Chị L không thay đổi tính cách ngang bướng bảo thủ, vợ chồng khó hòa hợp, anh có quan điểm tha thứ cho Chị L nếu Chị L nhận ra lỗi và quay về đoàn tụ nhưng trường hợp Chị L nhất quyết ly hôn thì anh cũng không níu kéo. Xét thấy quan hệ hôn nhân của anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị L, xử cho Chị L, Anh L ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị L và Anh L có một con chung là Lưu Thị Khánh L, sinh ngày 23/10/2014. Anh chị đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu L là con gái và còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của mẹ. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung nên giao cháu L cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng, Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị L là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Chị L, Anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Lưu Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung là Lưu Thị Khánh L, sinh ngày 23/10/2014 cho Chị L nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị L.

Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị L, Anh L không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp là 300.000 đồng. Đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000969,

ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị L, Anh L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu: HS, VP.

Bùi Thị Ngọc Bích